

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-PT
Ngày 19 - 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản .

Do bản án sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965

Địa chỉ cư trú: ấp 5, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị D, sinh năm: 1956

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị D: Luật sư Trần Nguyệt T- Thuộc Công ty Luật TNHH V – Đoàn Luật sư Thành phố H.

2.2. Anh Lê Hoàng H, sinh năm: 1995

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: bị đơn bà Lê Thị D kháng cáo.

(Bà H, bà D, anh H, Luật sư T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2017, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là chủ đại lý thức ăn gia súc Bầy H. Bắt đầu từ năm 2014, bà có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho bà Lê Thị D cùng con trai của bà D là anh Lê Hoàng H. Hai bên thỏa thuận miệng là khi nào bà D và anh H bán heo, tức khi heo xuất chuồng thì bà D và anh H phải trả tiền thức ăn cho bà theo từng đợt bán heo. Đến ngày 16/6/2017, bà tổng cộng tiền nợ thức ăn thì bà D và anh H còn nợ của bà số tiền là 370.274.000 đồng, bà D và anh H ký tên xác nhận vào giấy xác nhận nợ đối với số tiền này. Sau khi ký giấy xác nhận nợ, bà D và anh H có trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng sau đó không trả tiếp, nhiều lần bà yêu cầu bà D và anh H phải trả tiếp số tiền nợ cho bà nhưng bà D và anh H vẫn không trả.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H phải trả cho bà số tiền nợ do mua bán thức ăn là 360.274.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi.

Trong bản trình bày ý kiến của đương sự ngày 17/9/2017, bị đơn bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H trình bày:

Bà D và anh H thừa nhận có mua thức ăn của bà H như bà H đã trình bày. Bà D và anh H cũng thừa nhận còn nợ tiền thức ăn của bà H là 360.274.000 đồng, nhưng hiện nay hoàn cảnh của bà D và anh H khó khăn nên xin trả dần mỗi năm từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, bà D và anh H vẫn thừa nhận còn nợ của bà H số tiền mua thức ăn là 360.274.000 đồng và xin trả dần mỗi năm 80.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện Giồng T đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn

Thị H số tiền nợ gốc của việc mua bán thức ăn là 360.274.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

2. Buộc bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc của việc mua bán thức ăn là 360.274.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị H, nếu bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H không chịu trả số tiền như án tuyên thì hàng tháng bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bác yêu cầu về việc xin trả dần của bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/11/2017, bị đơn bà Lê Thị D kháng cáo một phần nội dung bản án số: 115/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Theo đơn kháng cáo của bà D xin Tòa án cấp phúc thẩm, xét xử lại bản án số 115/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, chấp nhận cho bà được trả dần mỗi năm 80.000.000 đồng cho bà H, trả cho đến khi hết nợ.

Bà Nguyễn Thị H: Không đồng ý với kháng cáo của bà D, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xem xét toàn bộ chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên cần điều chỉnh phần án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn vì bà D sinh năm: 1965 đến lúc xét xử đã 61 tuổi là trường hợp người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của bà Lê Thị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H phải liên đới trả số tiền mua thức ăn còn thiếu là 360.274.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi số tiền nợ nêu trên. Bà D và anh H thừa nhận còn nợ bà Hồng 360.274.000 đồng như bà Hồng trình bày, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây tình tiết không phải chứng minh. Việc bà D, anh H mua thức ăn của bà Hồng nhưng không thanh toán tiền đầy đủ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Hồng có căn cứ, đúng quy định nên được chấp nhận.

[2] Bà D, anh H xin trả dần số tiền nêu trên mỗi năm 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) cho đến khi trả dứt nợ, bà H không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị D thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần điều chỉnh phần án phí cho phù hợp.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do bà Lê Thị D thuộc diện người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật vì vậy bà D không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 115/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 147, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 và 440 Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng số tiền nợ gốc của việc mua bán thức ăn là 360.274.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

2. Buộc bà Lê Thị D và anh Lê Hoàng H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc của việc mua bán thức ăn là 360.274.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bác yêu cầu về việc xin trả dần của bà Lê Thị D.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị D không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 9.006.850 đồng (chín triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng)

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí bà Hồng đã nộp là 9.256.850 đồng (chín triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 0012757 ngày 07/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị D không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012965 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương